

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thực phẩm; Chuyên ngành: Công nghệ Chế biến Thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THẾ HÂN

2. Ngày tháng năm sinh: 05/9/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Châu Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 32, đường Hồng Lĩnh, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Thế Hân, Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trường Đại học Nha Trang, số 02 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Điện thoại di động: 0975964605; E-mail: hannt@ntu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Công việc, chức vụ, cơ quan
6/2006 - 01/2008	Giảng viên Bộ môn Công nghệ Chế biến Thủy sản, Khoa Công nghệ Thực phẩm, Trường Đại học Nha Trang
02/2008 - 02/2010	Học Thạc sỹ ngành Công nghệ Sinh học biển ứng dụng, Trường Đại học Quốc gia Gangneung-Wonju, Hàn Quốc

3/2010 - 9/2010	Giảng viên Bộ môn Công nghệ Chế biến Thủy sản, Khoa Công nghệ Thực phẩm, Trường Đại học Nha Trang
10/2010 - 10/2013	Nghiên cứu sinh ngành Công nghệ Sinh học biển ứng dụng, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hải dương Tokyo, Nhật Bản
10/2013 - nay	Giảng viên Bộ môn Công nghệ Chế biến Thủy sản, Khoa Công nghệ Thực phẩm, Trường Đại học Nha Trang
5/2014 - 7/2017	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Trường Đại học Nha Trang
7/2017 - nay	Bí thư Đoàn Thanh niên Trường Đại học Nha Trang
11/2017 – nay	Phó Trưởng Phòng Công tác Chính trị và Sinh viên; kiêm nhiệm giảng dạy tại Bộ môn Công nghệ Chế biến Thủy sản, Khoa Công nghệ Thực phẩm, Trường Đại học Nha Trang (từ tháng 02/2020: Được bổ nhiệm Giảng viên chính – Hạng II)

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Nha Trang, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Địa chỉ cơ quan: Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại cơ quan: 02583 831 149

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- **Được cấp bằng ĐH** ngày 30 tháng 12 năm 2005; số văn bằng: C615724; ngành: Công nghệ thực phẩm; chuyên ngành: Công nghệ chế biến thủy sản; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang), Việt Nam.
- **Được cấp bằng ThS** ngày 22 tháng 02 năm 2008; số văn bằng: TS976HO; ngành: Công nghệ sinh học biển ứng dụng; chuyên ngành: Công nghệ sinh học biển ứng dụng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Quốc gia Gangneung-Wonju, Hàn Quốc.
- **Được cấp bằng TS** ngày 27 tháng 9 năm 2013; số văn bằng: 302; ngành: Công nghệ sinh học biển ứng dụng; chuyên ngành: Công nghệ sinh học biển ứng dụng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hải dương Tokyo, Nhật Bản.
- **Được cấp bằng TSKH** ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành: ...; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Không

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Nha Trang

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:

Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu thu nhận các hợp chất có hoạt tính sinh học từ nguyên liệu tự nhiên.
- Nghiên cứu ứng dụng các hợp chất có hoạt tính sinh học trong bảo quản nguyên liệu và sản phẩm thủy sản.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **12** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành **02** đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên; trong đó, 01 đề tài Quỹ NAFOSTED và 01 đề tài cấp tỉnh Khánh Hòa;
- Đã công bố **30** bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **02** chương sách (book chapter), trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Nội dung và hình thức khen thưởng	Cấp quyết định
2014	Giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Thanh niên “Quả Cầu vàng” dành cho 10 nhà khoa học trẻ toàn quốc có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Bộ Khoa học Công nghệ
2014	Huy hiệu tuổi trẻ sáng tạo theo Nghị quyết số 809-NQ/TWĐTN ngày 29/12/2014 của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	BCH Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
2015	Bằng khen (QĐ số 63/QĐ-TĐTN ngày 01/6/2015) vì đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua điển hình tiên tiến 5 năm giai đoạn 2011-2015	BCH Tỉnh đoàn Khánh Hòa
2017	Bằng khen (QĐ số 2758/QĐ-UBND ngày 19/09/2017) về việc khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động hè năm 2017	Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa
2017	Bằng khen (QĐ số 2767/QĐ-UBND ngày 20/09/2017) vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ 2012-2017	Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa
2018	Giấy khen (QĐ số 1362/QĐ-ĐHNT ngày 19/11/2018) vì có nhiều đóng góp trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên tình nguyện năm học 2017-2018	Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang

2019	Bằng khen (QĐ số 53-QĐKT/TĐTN ngày 04/10/2019) vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Học năm 2019	BCH Tỉnh đoàn Khánh Hòa
2019	Giấy khen (QĐ số 852/QĐ-ĐHNT ngày 29/7/2019) vì đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Nhà trường, giai đoạn 2014-2019	Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang
2021	Bằng khen (QĐ số 1119/QĐ-UBND ngày 26/4/2021) vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Về hoạt động đào tạo: Trong hơn 15 năm công tác tại Trường Đại học Nha Trang, tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn lý thuyết với thực tiễn sản xuất, gắn đào tạo chuyên môn với các kỹ năng mềm (phản biện, làm việc nhóm, thuyết trình). Trong các bài giảng cho người học, tôi cũng gắn việc trang bị kiến thức chuyên môn với việc nâng cao năng lực ngoại ngữ; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp và phân tích tài liệu. Với vai trò là giảng viên và cán bộ quản lý cấp Phòng, tôi đã tham gia vào xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, tự đánh giá và kiểm định cấp trường và cấp chương trình đào tạo; cụ thể, tôi đã và đang tham gia vào các Hội đồng với vai trò là: Ủy viên Ban Thư ký Phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường, Ủy viên Tiểu ban Phát triển giáo dục đại cương trình độ đại học của Trường, Thành viên Ban đào tạo và Đảm bảo chất lượng của Hội đồng Trường nhiệm kỳ 2016-2021, Thành viên Ban Thư ký tự đánh giá và cải tiến Nhà trường giai đoạn 2018-2023, Thành viên Ban Thư ký Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường, Ủy viên Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ Chế biến thủy sản, Ủy viên Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Công nghệ Chế biến thủy sản. Sau hơn 15 năm công tác, tôi đã hướng dẫn 12 học viên cao học bảo vệ thành công đề tài thạc sĩ, trong đó có 03 học viên cao học quốc tế ngành Công nghệ thực phẩm thuộc chương trình VLIR hợp tác giữa song phương giữa Việt Nam và Vương Quốc Bỉ, hướng dẫn hơn 20 sinh viên bảo vệ thành công đồ án/khóa luận tốt nghiệp.

b) Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: Trong thời gian qua, tôi tích cực đề xuất ý tưởng nghiên cứu mới có khả năng phát triển thành các đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) và ứng dụng vào thực tiễn. Tôi đã hoàn thành một số đề tài NCKH các cấp (cấp tỉnh, cấp Nhà nước) với vai trò là chủ nhiệm nhiệm vụ; hướng dẫn thành công 12 học viên cao học; 03 đề tài sinh viên NCKH cấp Trường; công bố được 30 bài báo khoa học (trong đó có 15 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín), 02 chương sách tại các nhà xuất bản quốc tế uy tín (Elsevier và AOCSS Press); đạt giải thưởng Khoa học Kỹ thuật Thanh niên Quả cầu vàng năm 2014 của Bộ KH&CN và TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, dành cho 10

nhà khoa học trẻ Việt Nam có thành tích xuất sắc trong NCKH và nhiều giấy khen, bằng khen các cấp về thành tích trong NCKH. Trong quá trình công tác, tôi đã tham gia các đề tài NCKH hợp tác với các trường/viện nghiên cứu và đồng nghiệp ở trong và ngoài Trường (Viện nghiên cứu Novus của Hòa Kỳ, Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, Viện Nghiên cứu Hải sản, Trường Đại học Y dược TP. HCM), doanh nghiệp (công ty Yến sào Khánh Hòa) để triển khai các đề tài NCKH và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Trong hoạt động NCKH, tôi luôn chú trọng gắn thực hiện các nhiệm vụ NCKH với đào tạo sinh viên, học viên. Ngoài các hoạt động NCKH, tôi cũng tích cực tham gia tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế được tổ chức tại Trường Đại học Nha Trang; tham gia phản biện cho một số tạp chí quốc tế tại các Nhà xuất bản uy tín như Elsevier, Mary Ann Liebert, Inc., Wiley; tích cực tham gia hỗ trợ các phong trào NCKH, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của đoàn viên, thanh niên, sinh viên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

c) Về hoạt động phục vụ cộng đồng: Tôi luôn tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện tại các địa phương khó khăn; từ năm 2017 đến nay, với vai trò là Bí thư Đoàn Trường, tôi đã cùng với tập thể Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Trường Đại học Nha Trang thực hiện nhiều công trình, phần việc có ý nghĩa như: Sân chơi miễn phí cho trẻ em, các công trình giao thông nông thôn, nhà văn hóa tại các thôn, chuyển giao kỹ thuật nuôi thủy sản cho ngư dân, tuyên truyền bảo vệ môi trường, tặng quà cho người yếu thế tại các địa bàn khó khăn, người có công; tích cực vận động kinh phí từ nguồn xã hội hóa để tặng học bổng cho sinh viên nghèo, vươn lên trong học tập, NCKH, tổ chức thăm hỏi động viên gia đình sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số: 15 năm
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016			2	2	460,7	42,5	503,2/583,2/270
2	2016-2017				3	303,7		303,7/454,6/270
3	2017-2018			2	1	309		309/395/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019			1	2	37,5		37,5/140,5/40,5
5	2019-2020			3		40,5		40,5/137,2/81
6	2020-2021			3	1	26,5	40	66,5/312,8/66

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH; Tại nước: Việt Nam; Từ năm 2001 đến năm 2006
- Bảo vệ luận văn ThS (bằng tiếng Anh); Tại nước: Hàn Quốc năm 2010
- Bảo vệ luận án TS (bằng tiếng Anh); Tại nước: Nhật Bản năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Nha Trang (trực tiếp hướng dẫn 03 học viên cao học người nước ngoài làm đề tài thạc sĩ chương trình đào tạo quốc tế ngành Công nghệ thực phẩm bằng tiếng Anh, thuộc chương trình VLIR hợp tác giữa song phương giữa Việt Nam và Vương Quốc Bỉ, năm 2020)

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Học và bảo vệ luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ ở nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản) bằng tiếng Anh

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Khánh Huyền		×		×	02/2015-11/2015	Trường Đại học Nha Trang	30/12/2015; Số hiệu bằng: A133406
2	Phạm Thị Kim Quyên		×	×		02/2015-11/2015	Trường Đại học Nha Trang	30/12/2015; Số hiệu bằng: A133407

3	Đào Thị Kim Chi		×	×		8/2016- 11/2017	Trường Đại học Nha Trang	28/12/2017; Số hiệu bằng: A184816
4	Nguyễn Thị Thảo		×		×	3/2017- 11/2017	Trường Đại học Nha Trang	30/3/2018; Số hiệu bằng: A191675
5	Nguyễn Lê Thùy Linh		×	×		3/2017- 4/2019	Trường Đại học Nha Trang	08/7/2019; Số hiệu bằng: 000005
6	Nguyễn Thị Kim Hằng		×	×		3/2018- 9/2019	Trường Đại học Nha Trang	27/12/2019; Số hiệu bằng: 000248
7	Nguyễn Thị Phương Yên		×	×		3/2018- 9/2019	Trường Đại học Nha Trang	27/12/2019; Số hiệu bằng: 000252
8	Nguyễn Thị Huyền		×	×		11/2018- 9/2019	Trường Đại học Nha Trang	27/12/2019; Số hiệu bằng: 000253
9	Hassan Iyunade Hassanat		×		×	3/2020- 9/2020	Trường Đại học Nha Trang	29/9/2020; Số hiệu bằng: M000550
10	Oluwafemi Segun Ajiboye		×	×		3/2020- 9/2019	Trường Đại học Nha Trang	29/9/2020; Số hiệu bằng: M000553
11	Patrick Achiever Blamo, JR		×	×		3/2020- 9/2020	Trường Đại học Nha Trang	29/9/2020; Số hiệu bằng: M000554
12	Đỗ Trần Lâm		×		×	8/2020- 7/2021	Trường Đại học Nha Trang	Đã bảo vệ thành công LV ThS (đang đợi cấp bằng)

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi được cấp bằng TS							
1	Lipid Oxidation: Challenges in Food Systems	TK	AOCS Press, Champaign, USA, ISBN: 978-0-9830791-6-3 NXB: 2013	3 (tác giả chính)	Amy Logan, Uwe Nienaber, Xiangqing Pan	Chapter 12: “Ergothioneine: Resources, Chemical Characterization, and Application” (pp. 417-438) https://doi.org/10.1016/B978-0-9830791-6-3.50015-1	Xác nhận sử dụng sách theo Quyết định số 1355/QĐ-ĐHNT ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang
II Sau khi được cấp bằng TS							
2	Marine Enzymes Biotechnology: Production and Industrial Applications, Part III - Application of Marine Enzymes, Advances in Food and Nutrition Research	TK	Elsevier ISBN: 978-0-12-809587-4 NXB: 2017	2 (tác giả chính)	Se-Kwon Kim, Fidel Toldrá	Chapter 3: “Characterization and Applications of Marine Microbial Enzymes in Biotechnology and Probiotics for Animal Health” (Vol. 83, pp. 37-74) https://doi.org/10.1016/bs.afnr.2016.11.007	Xác nhận sử dụng sách theo Quyết định số 1355/QĐ-ĐHNT ngày 22/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang

- Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: **01** chương sách.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu thu nhận và tinh sạch hợp chất bromophenols từ một số loài rong tại vùng biển Khánh Hòa	CN	ĐT-2017-20902-ĐL/Tỉnh Khánh Hòa	2017-2021	19/3/2021 – Đạt
2	Thu nhận và xác định tính chất của các chất ức chế enzyme alpha-glucosidase từ rong tại vùng biển Khánh Hòa, Việt Nam và đánh giá khả năng kháng bệnh tiêu đường	CN	106-NN.05-2016.73/Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia (Nafosted)	2017-2021	28/5/2021 – Đạt
3	Đánh giá khả năng chống oxi hóa và ngăn chặn sự hình thành hắc tố của yến sào	CN	32/HĐYS Đề tài hợp tác với Công ty Yến sào Khánh Hòa	4/2014-12/2014	10/01/2015 – Đạt
4	Nghiên cứu phân biệt yến sào thật giả bằng phương pháp hóa học	CN	02-2015/HĐYS Đề tài hợp tác với Công ty Yến sào Khánh Hòa	12/2015-5/2016	30/5/2016 – Đạt
5	Nhiệm vụ hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ “Hợp tác nghiên cứu, thiết kế và chế tạo hệ thống giám sát sử dụng mạng cảm biến không dây trong kiểm soát chất lượng và tiết kiệm năng lượng cho chuỗi hậu cần thủy sản lạnh”	TV	08/2014/HĐ-NĐT/Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT	2014-2017	07/10/2017 - Khá

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký; TV: Thành viên.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được cấp bằng TS							
1	α -Glucosidase inhibitory activity of bromophenol purified from the red alga <i>Polyopes lancifolia</i>	3		Journal of Food Science (eISSN:1750-3841)	2010: SCI; IF = 2.099, Q1 2020: SCI, IF = 3.167, Q1	110 (7/2021)	75(5) H145-H150	6/2010
2	Two unsaturated fatty acids with potent α -glucosidase inhibitory activity purified from the body wall of sea cucumber (<i>Stichopus japonicas</i>)	3	Tác giả chính	Journal of Food Science (eISSN:1750-3841)	2011: SCI; IF = 1.998, Q1 2020: SCI; IF = 3.167, Q1	47 (7/2021)	76(9) H208-H214	11/2011
3	Antioxidative, anticholinesterase and antityrosinase activities of the red alga <i>Grateloupia lancifolia</i> extracts	2	Tác giả chính	African Journal of Biotechnology (eISSN: 1684-5315)	2011: SCOPUS, Q3	13 (7/2021)	11(9) 1684-5315	5/2012
4	Effects of extraction solvents, cooking procedures and	3	Tác giả chính	International Journal of Food Science & Technology	2012: SCI; IF = 1.560, Q1	21 (7/2021)	47(6) 1193-1205	6/2012

	storage conditions on the contents of ergothioneine and phenolic compounds, and antioxidative capacity of the cultivated mushroom <i>Flammulina velutipes</i>			(eISSN:1365-2621)	2020: SCI; IF = 3.713, Q1			
5	A rapid HPLC post-column reaction analysis for the quantification of ergothioneine in edible mushrooms and in animals fed a diet supplemented with extracts from the processing waste of cultivated mushrooms	3	Tác giả chính	Food Chemistry (eISSN: 0308-8146)	2012: SCI; IF = 4.111, Q1 2020: SCI; IF = 7.514, Q1	20 (7/2021)	133(2) 581-591	7/2012
6	Physicochemical and biofunctional properties of crab chitosan nanoparticles	3	Tác giả chính	Journal of Nanoscience and Nanotechnology (eISSN: 1533-4899)	2013: SCIE; IF = 1.401, Q2 2020: SCIE; IF = 1.134	5 (7/2021)	13(8) 5296-5304	8/2013
II	Sau khi được cấp bằng TS							
7	Extraction and characterization of collagen from tra catfish (<i>Pangasius hypophthalmus</i>) skin	3		Tạp chí Khoa học – Công nghệ Thủy sản (ISSN: 1859-2252)	Danh mục HĐ GSNN		Số đặc biệt 22-32	12/2013

8	α -Glucosidase inhibitory activities of fatty acids purified from the internal organ of sea cucumber <i>Stichopus japonicas</i>	2	Tác giả chính	Journal of Food Science (eISSN:1750-3841)	2015: SCI; IF = 1.879, Q1 2020: SCI; IF = 3.167, Q1	20 (7/2021)	80(4) H841-H847	4/2015
9	Optimization of harvesting of microalgal <i>Thalassiosira pseudonana</i> biomass using chitosan prepared from shrimp shell waste	5	Tác giả chính	Asian Journal of Agricultural Research (pISSN: 1819-1894)	2009-2016: SCOPUS, Q4	9 (7/2021)	10(5) 162-174	8/2016
10	Ảnh hưởng của điều kiện chiết đến hàm lượng polyphenol và khả năng chống oxy hóa của dịch chiết lá bầu đất (<i>Gynura procumbens</i> (Lour) Merr.) trồng tại Khánh Hòa	3	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 1859-0004)	Danh mục HĐ GSNN		14(8) 1248-1260	8/2016
11	Khả năng chống oxy hóa <i>in vitro</i> của dịch chiết lá ca cao (<i>Theobroma cacao</i>) và thử nghiệm hạn chế oxy hóa lipid trên cơ thịt cá bớp	3	Tác giả chính	Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (ISSN: 1859-0004)	Danh mục HĐ GSNN		15(2) 214-224	4/2017
12	Recovery of protein hydrolysate and	8		Journal of Food Science and	2017: SCIE; IF = 2.067, Q2	8 (7/2021)	54(7) 1850-1856	6/2017

	chitosan from black tiger shrimp (<i>Penaeus monodon</i>) heads: approaching a zero waste process			Technology (eISSN: 0975-8402)	2020: SCIE; IF = 2.701, Q2			
13	Khả năng chống oxy hóa và ức chế enzyme tyrosinase của yến sào	4	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ISSN: 0866-708x)	Danh mục HĐ GSNN		10A 28-30	10/2017
14	Nghiên cứu khả năng chống oxy hóa của dịch chiết rong nâu <i>Sargassum mcclurei</i> in vitro và ứng dụng để hạn chế sự oxy hóa lipid trên thịt cá thu xay	3	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Công nghiệp Hà Nội (ISSN: 1859-3585)	Danh mục HĐ GSNN		43 99-103	12/2017
15	Đánh giá hoạt tính ức chế enzyme α -glucosidase của dịch chiết từ một số loài rong biển	3	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học – Công nghệ Thủy sản (ISSN: 1859-2252)	Danh mục HĐ GSNN		1 24-33	4/2018
16	Xác định điều kiện chiết thích hợp để thu nhận bromophenols từ rong đỏ <i>Laurencia intermedia</i> YAMADA	4	Tác giả chính	Tạp chí Công Thương - Bộ Công thương (ISSN: 0866-7756)	Danh mục HĐ GSNN		20 206-212	11/2019
17	Thành phần loài, sinh lượng nguồn lợi rong biển ven đảo Trường Sa, Khánh Hòa	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (ISSN: 1859-4581)	Danh mục HĐ GSNN		61-70	12/2019
18	Nguồn lợi rong	5		Tạp chí Nông	Danh mục		71-81	12/2019

	biển ven các đảo tiền tiêu ở biển Việt Nam			nghiệp và Phát triển Nông thôn (ISSN: 1859- 4581)	HĐ GSNN			
19	Antidiabetic and antioxidant activities of red seaweed <i>Laurencia dendroidea</i>	7	Tác giả chính	Asian Pacific Journal of Tropical Biomedicine (eISSN: 1995- 7645)	2019: SCIE; IF = 1.903, Q2 2020: SCIE; IF = 1.545, Q2	7 (7/2021)	9(12) 501- 509	12/2019
20	Isolation and evaluation of antimicrobial and anticancer activities of brominated sesquiterpenes from Vietnamese red alga <i>Laurencia intermedia</i> Yamada	10	Tác giả chính	Bioscience Research (eISSN: 2218- 3973)	2020: ISI (ESCI)		17(1) 459- 466	3/2020
21	Hoạt tính ức chế enzyme α - glucosidase của một số loài rong nâu thu mẫu ở Vịnh Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	3	Tác giả chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển – Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM (ISSN: 2615- 949X)	Danh mục HĐ GSNN		19(2) 90-98	4/2020
22	Khả năng hạn chế oxy hóa lipid của phân đoạn dịch chiết giàu polyphenol từ rong nâu <i>Sargassum mcclurei</i> trên cơ thịt cá bớp	4	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghiệp – Đại học Công nghiệp Hà Nội (ISSN: 2615- 9619)	Danh mục HĐ GSNN		56(2) 111- 116	4/2020
23	Hoạt tính ức chế α -glucosidase của ba loài rong lục thu tại vùng biển Khánh Hòa	3	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên (ISSN: 2615- 9562)	Danh mục HĐ GSNN		225(8) 305- 312	7/2020
24	Antioxidant and beta- glucuronidase inhibitory	5	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghiệp – Đại học Công	Danh mục HĐ GSNN		56(4) 105- 110	8/2020

	activities of the internal organ extract from sea cucumber <i>Stichopus japonicus</i>			ngiệp Hà Nội (ISSN: 2615-9619)				
25	Tối ưu hóa điều kiện chiết với sự hỗ trợ siêu âm để thu nhận polyphenol có hoạt tính chống oxy hóa từ loài rong đỏ <i>Gracilaria salicornia</i>	4	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học – Công nghệ Thủy sản (ISSN: 1859-2252)	Danh mục HĐ GSNN		4 75-84	12/2020
26	Maximising phenolic compounds and antioxidant capacity from <i>Laurencia intermedia</i> using ultrasound-assisted extraction	3	Tác giả chính	AIMS Agriculture and Food (eISSN: 2471-2086)	2020: ISI (ESCI), Q2	1 (7/2021)	6(1) 32-48	01/2021
27	β -Glucuronidase inhibitory activity of bromophenol isolated from red alga <i>Grateloupia lancifolia</i>	5	Tác giả chính	AIMS Agriculture and Food (eISSN: 2471-2086)	2020: ISI (ESCI), Q2		6(2) 551-559	4/2021
28	Optimization of ultrasound-assisted extraction conditions for phenolics, antioxidant, and tyrosinase inhibitory activities of Vietnamese brown seaweed (<i>Padina australis</i>)	3	Tác giả chính	Journal of Food Processing and Preservation (eISSN:1745-4549)	2020: SCIE; IF = 2.190, Q2	1 (7/2021)	45(5) e15386	5/2021
29	New triterpene sulfates from Vietnamese red	8	Tác giả chính	Journal of Asian Natural Products	2020: SCIE; IF = 1.569, Q2	1 (7/2021)	23(8) 754-763	7/2021

	alga <i>Tricleocarpa fragilis</i> and their α -glucosidase inhibitory activity			Research (eISSN: 1477-2213)				
30	The effect of red seaweed extract on quality of whiteleg shrimp (<i>Litopenaeus vannamei</i>) during refrigerated storage	6	Tác giả chính	Tạp chí Khoa học và Công nghiệp – Đại học Công nghiệp Hà Nội (ISSN: 2615-9619)	Danh mục HĐ GSNN		57(4)	8/2021

- Trong đó, số lượng và số thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **08**, bao gồm các số thứ tự: [8], [9], [12], [19], [20], [26], [27], [28] và [29].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:.....

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Công nghệ chế biến thủy sản	Thành viên Ban thư ký	Quyết định số 926/QĐ-ĐHNT ngày 31/10/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐH Quốc gia TP. HCM	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành (Quyết định số 13/QĐ-TTKĐ ngày 27/4/2020)	
2	Hội đồng và Ban thư ký phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học	Thành viên Ban thư ký	Quyết định số 982/QĐ-ĐHNT ngày 21/8/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT			
3	Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo trình độ đại học	Thành viên Ban chủ nhiệm	Quyết định số 1373/QĐ-ĐHNT ngày 25/10/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT			
4	Hội đồng và Ban thư ký tự đánh giá và cải tiến Nhà trường giai đoạn 2018-2023	Thành viên Ban thư ký	Quyết định số 1373/QĐ-ĐHNT ngày 02/12/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT			
5	Ban đào tạo và Đảm bảo chất	Thành viên	Quyết định số 155/QĐ-ĐHNT			

	lượng của Hội đồng Trường ĐHNT nhiệm kỳ 2016-2021		ngày 24/02/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT			
6	Tiểu ban phát triển giáo dục đại cương trình độ đại học	Thành viên	Quyết định số 258/QĐ-ĐHNT ngày 24/3/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT			
7	Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm	Thành viên Nhóm công tác chuyên trách	Quyết định số 565/QĐ-ĐHNT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHNT			

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; ☐ 04 CTKH ☐
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐
Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự,
các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù
bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thế Hân